

CHƯƠNG TRÌNH

đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hội nhập quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững giai đoạn 2021-2025

Phần thứ nhất**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015-2020****I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, trọng tâm là Chương trình số 03-CTr/TU khóa XVI về *đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển Thủ đô nhanh, bền vững giai đoạn 2016-2020*, Thành ủy đã lãnh đạo toàn diện các cấp ủy đảng, các ban, ngành, địa phương chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc, quyết liệt, kịp thời, nhất là trong năm 2020 tập trung vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, vượt qua khó khăn, thách thức, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra và đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế. Cụ thể:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Năm 2020, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, hầu hết các chỉ tiêu tăng trưởng đạt được thấp hơn trung bình giai đoạn 2016-2019 (bình quân giai đoạn 2016-2019, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,36%), trong đó GRDP tăng 3,98%, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 6,68%. Quy mô GRDP năm 2020 đạt 1,016 triệu tỷ đồng, khoảng 43,8 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người đạt 5.285 USD, gấp 1,36 lần năm 2015 và gấp 1,9 lần bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng hiện đại, tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 85,77% lên 86,46%. Tăng trưởng *khu vực dịch vụ* bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 7,23%. Năm 2020, ngành dịch vụ tăng 3,29%; bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 6,43%. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2020 đạt 44,75 tỷ USD, tăng 1,24 lần so với năm 2015; kim ngạch xuất khẩu tăng trung bình 8,81%/năm, cao hơn 1,68 lần giai đoạn 2011-2015. *Khu vực công nghiệp* tăng bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 8,09%. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19,

công nghiệp tăng 4,91%; bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 7,45%. *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* tăng bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 2,12%. Năm 2020, giá trị gia tăng tăng 4,20% và bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 2,53%.

2. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện, tăng trưởng kinh tế giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, mở rộng tín dụng; từng bước dựa vào ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. *Năng suất các nhân tố tổng hợp* (TFP) đóng góp gần 46% tăng trưởng GRDP, cao hơn cả nước (45,2%). Năng suất lao động năm 2020 đạt 251,4 triệu đồng (giá hiện hành), gấp 2,1 lần bình quân cả nước; tốc độ tăng trung bình giai đoạn 2016-2019 đạt 6,14%, trung bình 5 năm 2016-2020 tăng 5,74%. Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 tăng 15 bậc lên vị trí thứ 9/63. Doanh nghiệp mới thành lập tăng cả về số lượng và vốn đăng ký. Lũy kế 5 năm có khoảng 130 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, gấp 1,6 lần giai đoạn trước; vốn đăng ký bình quân khoảng 14,2 tỷ đồng, gấp 2 lần so với giai đoạn 2011-2015. *Kinh tế tập thể*, nòng cốt là các hợp tác xã (HTX) được củng cố, tổ chức lại với trên 2.100 HTX, tăng 17,8% so với năm 2015; khoảng 65% mô hình hoạt động hiệu quả.

3. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển được đẩy mạnh, hiệu quả đầu tư ngày càng được tăng lên: *Tổng vốn đầu tư phát triển* toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 1,716 triệu tỷ đồng, gấp 1,63 lần giai đoạn trước, bằng 38,92% GRDP, đạt mục tiêu đề ra. Hệ số ICOR (giá hiện hành) trung bình 5,03. *Vốn đầu tư* khu vực nhà nước chuyển dịch tích cực theo hướng giảm từ 43,44% năm 2015 xuống 34,28% năm 2020. *Vốn đầu tư nước ngoài* giai đoạn 2016-2020 đã thu hút mới 2.850 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 23,7 tỷ USD, gấp 3,7 lần giai đoạn 2011-2015. *Thu ngân sách nhà nước* trên địa bàn tăng và vượt dự toán; lũy kế giai đoạn 2016-2020 đạt gần 1,2 triệu tỷ đồng, tăng 11,1%/năm, gấp 1,64 lần giai đoạn 2011-2015. Điều hành chi ngân sách chủ động, tiết kiệm, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp; tỷ trọng chi thường xuyên giảm từ 58% năm 2015 xuống còn 51% năm 2020; tỷ lệ nợ công của Thành phố ở mức rất thấp, khoảng 12%. *Đầu tư công* được thực hiện tập trung, cơ bản khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng từ 27% năm 2015 lên 43,2% năm 2020.

4. Quan hệ đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển được mở rộng, tạo dấu ấn quan trọng, nâng cao uy tín, vị thế của Thủ đô trong khu vực và trên thế giới: Hà Nội đã có quan hệ hữu nghị, hợp tác với hơn 100 thủ đô, thành phố lớn trên thế giới... Duy trì và phát huy vai trò tích cực trong các khuôn khổ hợp tác đa phương với vai trò thành viên của các tổ chức liên đô thị quốc tế. Công tác đối ngoại nhân dân của Thủ đô trong 5 năm qua đã góp phần tăng cường giao lưu, thúc đẩy sự hiểu biết giữa người dân Hà Nội và nhân dân nhiều thành phố, quốc gia trên thế giới. Các hoạt động liên kết, hợp tác, phát triển giữa Thủ đô Hà Nội với hầu hết các địa phương trong cả nước diễn ra trên tất cả các lĩnh vực như du lịch, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đầu tư, văn hóa, xã hội...

II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khuyết điểm

(1). Do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, năm 2020 có 06/22 chỉ tiêu không đạt mục tiêu đề ra (trong đó 4 chỉ tiêu về kinh tế) dẫn đến các *chỉ tiêu phát triển kinh tế* của Kế hoạch 5 năm 2016-2020 không hoàn thành. Tăng trưởng GRDP đạt 6,68% (KH từ 7,3-7,8%). GRDP/người đạt 122,74 triệu đồng (KH từ 126-129 triệu đồng).

(2). Mặc dù kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, sức chống chịu khá tốt trước những tác động từ bên ngoài và đại dịch Covid-19, nhưng nhìn chung *chưa tạo được các “đột phá lớn” và chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh* của Thủ đô. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực, mũi nhọn chưa cao. Sản xuất nông nghiệp chưa ổn định, hiệu quả còn thấp; nông nghiệp công nghệ cao còn ít; chuyển dịch cơ cấu nội ngành chưa theo kịp yêu cầu. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa đồng bộ với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cụ thể:

a) Về các đột phá lớn

- *Về thể chế, chính sách*: Việc cụ thể hóa một số nhiệm vụ và tận dụng triệt để các cơ chế, chính sách đặc thù được nêu trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội, trong Luật Thủ đô một số mặt còn hạn chế. Phân công, phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước vẫn cần tiếp tục đẩy mạnh để phù hợp với nhu cầu phát triển.

- *Kết cấu hạ tầng* được quan tâm đầu tư phát triển nhưng vẫn còn hạn chế: Kết cấu hạ tầng giữa khu vực đô thị và nông thôn vẫn còn thiếu đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng phục vụ giao thông công cộng và kết nối liên vùng ở một số vùng ven đô; tốc độ xây dựng hạ tầng giao thông khu vực đô thị chưa theo kịp tiến độ đô thị hóa. Việc xây dựng các khu, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nhiều nơi chưa có trung tâm thương mại, siêu thị; thiếu các trung tâm logistic, các outlet, các showroom hỗ trợ phát triển cho các làng nghề. Hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT), viễn thông, hạ tầng số chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4...

- Về các nguồn lực của nền kinh tế

+ *Nguồn nhân lực*: Các chính sách thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Chưa có chính sách vượt trội thu hút, đào tạo, đãi ngộ và sử dụng đội ngũ tri thức, chuyên gia, cán bộ khoa học, nhất là đội ngũ chuyên gia công nghệ, nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế.

+ *Nguồn vật lực*: Hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai, tài sản công, kết cấu cơ sở hạ tầng,... vẫn còn phân tán, chưa được xây dựng đồng bộ, tập trung. Việc sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà đất, nhất là các cơ sở nhà, đất của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do Trung ương và địa phương khác quản lý trên địa bàn Thành phố vẫn còn chậm. Hiệu quả khai thác tài sản công, quỹ đất còn hạn chế.

+ *Nguồn tài lực*: Công tác nắm bắt, dự báo để xây dựng dự toán ngân sách tại một số đơn vị đôi khi vẫn chưa sát với thực tế; tiến độ triển khai kế hoạch nâng mức tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn chưa đạt yêu cầu; hiệu quả sử dụng vốn ngân sách tại một số đơn vị còn chưa cao...

b) Chưa khai thác hết các tiềm năng, thế mạnh

- Là Thủ đô của cả nước, là trung tâm đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, là trung tâm lớn của cả nước về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế, là thành viên của Mạng lưới các thành phố sáng tạo của Thế giới, Hà Nội luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ đặc biệt của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự hợp tác ngày càng chặt chẽ của các bộ, ban, ngành, địa phương. Hà Nội là thành phố có tiềm năng phát triển đồng bộ các loại hình thị trường rất lớn: tài chính - tiền tệ, hàng hóa, dịch vụ, khoa học - công nghệ, lao động, các yếu tố đầu vào;... Tuy nhiên, việc tận dụng các lợi thế, cơ hội để phát triển Thủ đô đôi khi còn chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

- Tỷ lệ *đô thị hóa* chưa đạt yêu cầu (dưới 50%), thời gian tới cần đẩy nhanh tiến độ phát triển 05 huyện ven đô lên thành quận, đồng thời với việc chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần lao động trong khu vực nông nghiệp, nông thôn; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

- Hoạt động *nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo* mặc dù đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng kết quả đạt được còn hạn chế. Hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu, trường đại học còn hạn chế; hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn thấp. Chưa có nhiều cơ chế, chính sách hấp dẫn để thu hút, khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ. Chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả và đồng bộ để phát huy nguồn lực trí thức và tiềm lực khoa học, công nghệ (Hà Nội có 82% số các trường đại học, viện nghiên cứu; 65% lực lượng các nhà khoa học của cả nước) đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

- Tốc độ phát triển kinh tế Thủ đô còn chưa đồng đều giữa các khu vực, chưa tạo được các cực tăng trưởng kinh tế mới, đặc biệt là các khu vực phía Nam và Tây Nam của Thủ đô. Một số công trình, dự án có tiến độ triển khai còn chậm so với kế hoạch, tác động không nhỏ đến sự đồng bộ kết cấu hạ tầng xã hội và đến đời sống Nhân dân Thủ đô.

c) Chuyển dịch cơ cấu còn chậm, môi trường kinh doanh cần tiếp tục cải thiện

- *Chuyển dịch cơ cấu* các ngành còn chậm: *Công nghiệp* phát triển còn thiếu ổn định, công nghiệp hỗ trợ quy mô còn nhỏ (khoảng 25% tổng giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp trên địa bàn), sản phẩm công nghiệp chủ lực tính cạnh tranh chưa cao so với các sản phẩm cùng loại của các nước. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị tuy đã có tiến bộ nhưng chưa đạt được yêu cầu phát triển. *Dịch vụ phát triển* còn chưa đồng đều, ngành *du lịch* cũng còn những hạn chế nhất định (mức chi của du khách còn chưa cao, thời gian lưu trú chưa dài, sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa gắn kết

chặt chẽ với các di tích). Sản xuất *nông nghiệp* chưa ổn định, hiệu quả còn thấp; nông nghiệp công nghệ cao còn ít. Hiệu quả sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản nói chung còn thấp. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm, lao động ngành nông nghiệp chiếm khoảng 12% tổng lao động xã hội nhưng chỉ đóng góp vào khoảng 2% GRDP.

- Việc sắp xếp, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả *doanh nghiệp nhà nước* chưa đạt mục tiêu, thoái vốn nhà nước còn khó khăn. Số lượng *doanh nghiệp tư nhân* tăng chậm, phần lớn quy mô nhỏ và siêu nhỏ; mức tăng vốn thấp hơn bình quân chung cả nước; mức tăng doanh thu, lợi nhuận doanh nghiệp còn thấp. *Kinh tế hợp tác, HTX* có quy mô còn nhỏ; 76,6% đơn vị có vốn dưới 5 tỷ đồng, 35% số HTX hoạt động chưa hiệu quả.

- *Môi trường kinh doanh*, năng lực cạnh tranh tuy được cải thiện, các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh tuy đã được dỡ bỏ nhưng nhiều yếu tố liên quan cần tiếp tục cải thiện. Mặc dù chỉ số PCI của Hà Nội có sự biến chuyển vượt bậc (từ xếp thứ 24/63 năm 2015 lên thứ 9/63 năm 2019), tuy nhiên một số chỉ tiêu thành phần còn thấp (chỉ số môi trường cạnh tranh bình đẳng; chỉ số tính minh bạch;...).

- *Hoạt động liên kết kinh tế vùng*, hợp tác kinh tế trong và giữa các ngành, các thành phần kinh tế, cũng như giữa Thủ đô với các địa phương trong vùng Thủ đô và cả nước chưa phục vụ tốt cho việc thu hút, kêu gọi đầu tư từ các tập đoàn lớn, công ty hàng đầu trên thế giới.

2. Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nguyên nhân *khách quan* là do tác động của dịch Covid-19 dẫn đến đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu, hạn chế giao thương, du lịch... tác động toàn diện các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội; quy trình thủ tục về quy hoạch, đầu tư, xây dựng thay đổi theo các Luật mới ban hành làm kéo dài thời gian thực hiện; quy mô, khối lượng, tính chất phức tạp của những nhiệm vụ ngày càng lớn, với những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao trong khi nguồn lực còn hạn chế.

Nguyên nhân *chủ quan* chủ yếu là do năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành ở một số địa phương, đơn vị chưa thực sự quyết liệt, thiếu năng động, sáng tạo. Chất lượng cán bộ tại một số cơ quan, đơn vị còn chưa đồng đều; năng lực, kỹ năng, thái độ làm việc của một bộ phận cán bộ vẫn còn hạn chế; việc quy hoạch, đào tạo, sắp xếp cán bộ tại một số đơn vị còn thiếu chủ động. Sự phối hợp giữa các sở, ngành và giữa sở, ngành với quận, huyện, thị xã hiệu quả chưa cao, nhất là đối với những việc phải giải quyết theo cơ chế liên ngành. Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của một số đơn vị chưa thường xuyên, kịp thời, chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, xử lý các sai phạm. Việc nắm bắt tình hình, nhất là các yếu kém ở cấp cơ sở chưa được cấp ủy đảng tập trung, khắc phục triệt để.

Các cơ chế, chính sách, giải pháp cho một số vấn đề lớn của Thành phố như: trật tự đô thị; vi phạm đất đai; vi phạm trật tự xây dựng; ô nhiễm môi trường, chất lượng không khí; quản lý và cải tạo chung cư cũ; phòng cháy và chữa cháy; giải

quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo,... còn chưa đạt mục tiêu đề ra. Chưa có cơ chế phối hợp hiệu quả và những chính sách đồng bộ để phát huy nguồn lực trí thức và tiềm lực khoa học, công nghệ trên địa bàn vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô. Việc cụ thể hóa một số nhiệm vụ và tận dụng triệt để các cơ chế, chính sách đặc thù được nêu trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quốc hội, trong Luật Thủ đô có mặt còn hạn chế.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG TÂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Những năm tới, bối cảnh quốc tế, khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi phức tạp, nhanh chóng, khó lường. Dưới tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt, cả về y tế, kinh tế, xã hội và quản trị. Cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra gay gắt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mở ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Trong nước, vị thế và tiềm lực của đất nước sau 35 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Thu nhập của người dân tăng nhanh và lợi thế cơ cấu dân số vàng và hội nhập ngày càng sâu rộng là những động lực cho tăng trưởng. Kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng, các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới được thực thi góp phần đẩy mạnh hơn nữa cải cách thể chế kinh tế trong nước, tạo cơ hội mở rộng thị trường cho phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện công nghiệp hóa. Tuy nhiên, các yếu tố nền tảng để sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại còn thấp so với yêu cầu; năng lực tiếp cận nền kinh tế số còn hạn chế; các vấn đề xã hội, môi trường, dịch bệnh là những khó khăn, thách thức lớn. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 còn tiềm ẩn diễn biến phức tạp, khó lường, dự báo sẽ có những tác động đến đà phục hồi và phát triển kinh tế.

Trong bối cảnh đó, với vai trò và vị thế Thủ đô và sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, với quyết tâm cao nhất, Thành phố sẽ nắm bắt những thuận lợi, tận dụng thời cơ và vượt qua những khó khăn, thách thức để đẩy nhanh quá trình phát triển.

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới mô hình tăng trưởng; phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô; quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, tận dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với đổi mới sáng tạo nhằm tái cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo

động lực thúc đẩy phát triển kinh tế Thủ đô nhanh, bền vững góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII.

1.2. Các mục tiêu cụ thể

(1) Trước mắt, ưu tiên công sức, thời gian và nguồn lực để kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, đặc biệt trong thời gian diễn ra các sự kiện chính trị lớn trên địa bàn Thành phố. Thực hiện mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa phát triển kinh tế.

(2) Nỗ lực phục hồi lấy lại đà tăng trưởng, thực hiện các giải pháp đồng bộ tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế Thủ đô dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(3) Tập trung thu hút và tăng cường quản lý, sử dụng các nguồn lực hiệu quả, hợp lý để đầu tư xây dựng, phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng.

(4) Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phục vụ phát triển, quyết liệt thực hiện các giải pháp đột phá nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế gắn với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đảm bảo phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững.

(5) Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển, nâng cao uy tín, vị thế Thủ đô.

2. Chỉ tiêu

Phấn đấu hết năm 2025, đạt được các chỉ tiêu chủ yếu sau:

(1). Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân: 7,5-8,0%; trong đó: Dịch vụ: 8,0-8,5%; Công nghiệp và xây dựng 8,5-9,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 2,5-3,0%.

(2). Cơ cấu kinh tế năm 2025: Dịch vụ 65,0-65,5%; Công nghiệp và xây dựng 22,5-23,0%; Nông, lâm nghiệp và thủy sản 1,4-1,6%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 10,4-10,6%.

(3). GRDP bình quân/người: 8.300-8.500 USD.

(4). Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 3,1-3,2 triệu tỷ đồng (giá hiện hành, tăng 12,5-13,5%/năm).

(5). Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%.

(6). Tốc độ tăng năng suất lao động từ 7,0-7,5%.

(7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75-80%.

(8). Giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo trong GRDP: 17%.

(9). Điện năng thương phẩm bình quân đầu người: khoảng 3.000 Kwh/người/năm.

(10). Kim ngạch xuất khẩu: 20,470 tỷ USD.

(11). Số lượt khách du lịch đón và phục vụ đạt từ 35-39 triệu lượt khách, trong đó có từ 8-9 triệu lượt khách du lịch quốc tế.

3. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Chương trình phải tiến hành đồng bộ, liên tục, với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, có lộ trình cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, sát với thực tế, gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ Thành phố, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và các Chương trình công tác của Thành ủy khóa XVII, các chương trình, kế hoạch công tác của các cấp ủy đảng; xác định rõ vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy đảng và chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp gắn với thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với Trung ương để sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách đặc thù cho Thủ đô như: quy hoạch (quy hoạch không gian ngầm, thoát lũ,...); khuyến khích xã hội hóa, thu hút nguồn lực ngoài ngân sách; cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nguồn nhân lực chất lượng cao,... và chính sách thuê/mua các sản phẩm sở hữu trí tuệ (các phát minh, sáng chế,... có giá trị thực tiễn cao); chính sách đất đai (cơ chế đền bù, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư,...); cơ chế đặc thù giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức rút gọn, nhất là những vấn đề có liên quan đến người dân và doanh nghiệp; giải quyết những vướng mắc, tồn tại của Thủ đô đã kéo dài nhiều năm và trải qua nhiều thời kỳ chính sách khác nhau như: về quản lý, cải tạo chung cư cũ, về đất dịch vụ,... Trước mắt trình Bộ Chính trị, Chính phủ xem xét, phê duyệt Quy hoạch thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổng kết Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020; sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô; tổng kết 13 năm thực hiện Nghị quyết 15/2008/QH12 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội;... để hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo động lực xây dựng và phát triển Thủ đô trong thời kỳ mới.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhất là cấp cơ sở, tận dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hoàn thành số hóa toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung về dân cư, đất đai, tài sản công... tiến tới xây dựng hạ tầng số cùng với phát triển mạnh các dịch vụ số, xây dựng chính quyền số, xã hội số. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền để nâng cao tính chủ động, sáng tạo gắn với phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, siết

chặt kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy Nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, liêm khiết, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đề cao trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch, cải cách hành chính; phát huy dân chủ, xây dựng cơ chế, quy trình giám sát, kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm về lãng phí; chú trọng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong các lĩnh vực: quản lý tài chính - ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên,...

2. Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế Thủ đô dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục thiệt hại do đại dịch Covid-19 gây ra. Cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Hoàn thiện cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số. Ưu tiên phát triển nhanh một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng như: ngân hàng, thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến, du lịch trực tuyến... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Chủ động tham gia và tận dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động; phát triển các ngành công nghiệp mới có lợi thế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa. Xây dựng Chiến lược chuyển đổi số đưa thành phố Hà Nội sớm trở thành trung tâm về an toàn, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn của khu vực ASEAN.

2.2. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh và các tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô:

a) Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công: phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi đầu tư phát triển từ khu vực nhà nước xuống dưới 30% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng tỷ trọng đầu tư từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài tương ứng (khoảng 53% và khoảng 17%) trong tổng đầu tư toàn xã hội vào năm 2025. Tập trung phân bổ và đẩy mạnh các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, tập trung vốn cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết, phân bổ vốn đầu tư hợp lý, có hiệu quả, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm. Tập trung vào các dự án trọng điểm chuyển từ hình thức PPP sang đầu tư công. Phấn đấu giảm chỉ số ICOR (từ 5,03 năm 2020 xuống còn khoảng 4,12 vào năm 2025).

Tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng khung, hệ thống cầu bắc qua sông Hồng; những dự án trọng điểm có vai trò thúc đẩy liên kết các tỉnh vùng Thủ đô, liên kết các huyện; đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông kết nối khu vực phía Nam và

Tây Nam của Thủ đô (Quốc lộ 1A, Quốc lộ 21B, nâng cấp quốc lộ 32), đồng thời tập trung đầu tư thúc đẩy 05 huyện sớm trở thành quận trong giai đoạn 2021-2025.

Khuyến khích và thu hút dòng vốn đầu tư ngoài nhà nước bằng cách tiếp tục ổn định môi trường đầu tư, hỗ trợ đào tạo nhân lực, chú trọng lĩnh vực, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, nâng cao hiệu quả đầu tư của vốn đầu tư từ ngân sách làm vốn môi, làm động lực thúc đẩy, thu hút vốn của khu vực tư nhân. Tập trung vào các dự án công nghệ cao, công nghệ mới, năng lượng sạch, dịch vụ đạt chuẩn quốc tế... Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương để kịp thời đón xu hướng tái định vị sản xuất, tái cơ cấu đầu tư nhằm đa dạng hóa nguồn cung của các nước Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu và các tập đoàn lớn để kịp thời có định hướng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

b) *Cơ cấu lại thị trường tài chính - tiền tệ*; tăng cường năng lực hoạt động của các ngân hàng thương mại trên địa bàn gắn với xử lý nợ xấu (đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới 3%), nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tín dụng cấp huyện, đáp ứng nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế. Phát triển đa dạng các tổ chức cung ứng, kênh phân phối hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận sử dụng các dịch vụ tài chính. Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán. Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính (fintech) và trung gian thanh toán trong xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng. Hình thành và phát triển các nhà môi giới chuyên nghiệp trên thị trường tài chính.

- Tăng cường kỷ luật *tài chính - ngân sách* nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế; chuyển đổi cơ cấu thu: tăng thu từ thuế, phí, giảm thu từ đất. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp. Xây dựng quy định về phí, lệ phí theo hướng chuyển sang áp dụng giá dịch vụ phù hợp cơ chế thị trường. Xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng tính tự chủ, tăng cường trách nhiệm đối với các đơn vị trực thuộc.

- *Tiếp tục cơ cấu lại và đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập*; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động, đẩy nhanh triển khai cơ chế tự chủ gắn với thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công. Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước, chuyển từ cơ chế cấp phát sang cơ chế đặt hàng, từ hỗ trợ cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng thụ hưởng. Đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công. Nghiên cứu cơ chế khuyến khích thành lập các trung tâm trong các đơn vị sự nghiệp tự chủ tài

chính nhằm đẩy nhanh quá trình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát huy hiệu quả phát triển.

c) Tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất, cơ cấu lại và phát triển mạnh các thành phần kinh tế, đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp

- Thực hiện bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố đầu vào của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; thực hiện công khai, minh bạch trong tiếp cận các nguồn lực công, mua sắm và đầu tư công. Coi doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi nhất cho doanh nghiệp đầu tư theo quy định của pháp luật; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Khuyến khích và thực hiện các giải pháp thúc đẩy khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo.

- Thực hiện các giải pháp tăng nhanh số lượng doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả và nâng cao đóng góp của *khu vực tư nhân* trong GRDP. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các khâu đột phá về đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; thúc đẩy sự liên kết với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Tận dụng các điều kiện và cơ chế đặc thù của Thủ đô để đề xuất các chính sách thu hút mạnh các doanh nghiệp, doanh nhân trong nước và quốc tế. Tăng số lượng các doanh nghiệp thành lập mới, phát triển kinh tế hộ, hình thành các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tư nhân.

- *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách và cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước*: Đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và thoái vốn hiệu quả, đảm bảo các doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng theo nguyên tắc thị trường, áp dụng các thực tiễn quản trị tốt của quốc tế và quản lý hiệu quả nguồn vốn nhà nước tại các doanh nghiệp. Tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác cổ phần hoá, thoái vốn. Xây dựng, thực hiện hoàn thành kế hoạch cổ phần hoá, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025 ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tăng cường giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước; nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

- *Đổi mới kinh tế tập thể, nhân rộng các mô hình hợp tác xã* hoạt động có hiệu quả. Rà soát, tổng hợp cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể, HTX. Có cơ chế, hỗ trợ các HTX tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể; tăng cường các hình thức hợp tác, liên kết của kinh tế tập thể. Kiện toàn tổ chức Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, HTX. Củng cố, phát triển các HTX, đa dạng hóa các hình thức hoạt động HTX, không chỉ trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mà còn các lĩnh vực dịch vụ, thương mại, vận tải, các lĩnh vực kinh tế đô thị (quản lý bến bãi, quản lý, vận hành tòa nhà...). Phấn đấu tăng số lượng HTX, tăng số lượng thành viên tham gia và tăng số HTX hoạt động hiệu quả.

d) Cơ cấu lại các ngành kinh tế

- *Phát triển có chọn lọc một số ngành, lĩnh vực công nghiệp chủ lực, đột phá vào những ngành, sản phẩm sử dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến, có hàm lượng chất xám cao, có giá trị gia tăng lớn; phát triển hạ tầng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề:*

+ Tổ chức triển khai hiệu quả: Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021-2025, nâng tỷ trọng công nghiệp hỗ trợ chiếm trên 30% tổng GTSX công nghiệp trên địa bàn (hiện tại khoảng 25%); Đề án phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực giai đoạn 2021-2025, trong đó xác định rõ các sản phẩm công nghiệp chủ lực, nâng cao giá trị sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ lực lên 40-45% tổng GTSX công nghiệp toàn Thành phố, phát triển 08-10 nhóm ngành sản phẩm chủ lực, phấn đấu có khoảng 10% số doanh nghiệp công nghiệp lọt vào Top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Chương trình khuyến công quốc gia gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp - làng nghề. Đẩy nhanh đầu tư xây dựng hạ tầng Khu Công viên phần mềm thành phố Hà Nội; đưa Vườn ươm doanh nghiệp CNTT đổi mới sáng tạo Hà Nội đi vào hoạt động. Phát triển ngành công nghiệp ICT, thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về CNTT trong và ngoài nước đầu tư vào Thành phố, đồng thời tạo ra hệ sinh thái để khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp về CNTT.

+ Cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, tập trung phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng công nghiệp và kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao. Phấn đấu thành lập 02-05 khu công nghiệp mới; phấn đấu thành lập mới 54 cụm công nghiệp để đến năm 2025 Hà Nội có 159 cụm công nghiệp theo quy hoạch, phấn đấu lấp đầy khoảng 80% diện tích. Phát triển các cụm công nghiệp làng nghề gắn với bảo vệ môi trường...

+ Đảm bảo các chỉ tiêu về cung cấp điện an toàn, ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu cho phát triển. Khuyến khích, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện dự án điện rác, điện sinh khối, các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển các dự án điện mặt trời áp mái. Thúc đẩy phát triển sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm. Hoàn thành chuyển đổi số trong công tác quản lý vận hành và kinh doanh điện năng, xây dựng hệ thống lưới điện hiện đại, thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực.

- *Đẩy nhanh phát triển và cơ cấu lại thương mại, dịch vụ:*

+ Đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành dịch vụ, góp phần nâng dần tỷ trọng đóng góp của dịch vụ trong GRDP lên khoảng 65,0-65,5% vào năm 2025 với tốc độ tăng bình quân 8,0-8,5%/năm. Phát triển các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao, nhất là các dịch vụ đô thị, dịch vụ trình độ cao như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ tư vấn, y tế chất lượng cao,... để tạo cầu cho các loại hình thị trường khác phát triển.

+ *Chú trọng phát triển thương mại điện tử, đa dạng hóa các các hình thức thanh toán trên nền tảng số, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế số như: sử dụng các*

dịch vụ internet-banking, mobibanking, ví điện tử, tiện ích thẻ,... đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, nhất là việc tận dụng hơn 11 nghìn website/ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố.

+ Hình thành mới các loại hình thương mại trên địa bàn (trung tâm mua sắm Outlet; chuỗi cửa hàng tiện lợi giao dịch tự động không người bán; hệ thống máy bán hàng tự động,...) đồng thời với việc phát triển các loại hình thương mại truyền thống, hệ thống siêu thị, chợ dân sinh. Xây dựng và nâng cao năng lực mạng lưới dịch vụ vận chuyển, tập trung triển khai đẩy nhanh một số dự án phát triển hạ tầng logistic quan trọng để tạo điều kiện phát triển thương mại và tăng nguồn thu cho ngân sách. Đổi mới phương thức, thay đổi thói quen, hành vi thương mại theo hướng văn minh, hiện đại. Tập trung thu hút các tập đoàn quy mô lớn, đa quốc gia với công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, đảm bảo yêu cầu về môi trường; phấn đấu đến năm 2025, xây dựng Hà Nội thành trung tâm thương mại lớn về giao thương và kinh tế của cả nước, khu vực Đông Nam Á.

+ Nâng cao năng lực, chất lượng hội nhập quốc tế; chủ động nắm bắt những cơ hội, nhất là của Hiệp định CPTPP, EVFTA, EVIPA,... phục vụ phát triển Thủ đô. Củng cố quan hệ đã thiết lập, tích cực mở rộng hợp tác với các thủ đô, thành phố tiềm năng; chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá du lịch, nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ, thu hút đầu tư nước ngoài và tài trợ quốc tế.

+ Xây dựng kịch bản phục hồi và cơ cấu lại *ngành du lịch* Thủ đô. Kích cầu, phát triển du lịch nội địa theo hướng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ điểm đến, các sản phẩm du lịch. Hình thành một số sản phẩm ẩm thực mới phục vụ phát triển du lịch (mở rộng phố đi bộ, các tuyến phố ẩm thực,..); các điểm đến gắn với di sản - di tích, làng nghề (chỉnh trang, nâng cấp một số điểm đến du lịch như Hoàng Thành Thăng Long, Bảo tàng Hà Nội, một số làng nghề,...). Ưu tiên bố trí vốn đầu tư hạ tầng du lịch; tập trung thu hút, thúc đẩy đầu tư các dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp, hình thành một số cụm du lịch trọng điểm: Sơn Tây - Ba Vì, Hương Sơn - Quan Sơn, núi Sóc - hồ Đồng Quan, Vân Trì - Cổ Loa... Có cơ chế xã hội hóa đầu tư các khu vui chơi giải trí có quy mô và tầm cỡ khu vực và quốc tế, đồng thời phát huy các giá trị di tích, lịch sử cùng với cơ chế về khai thác các công trình văn hóa.

- *Cơ cấu lại nông nghiệp, theo hướng hiện đại* gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ; đẩy mạnh sản xuất theo chuỗi liên kết, chuỗi giá trị, các mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn.

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, giá trị cao, bền vững, chú trọng phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại, ứng dụng công nghệ cao.

+ Tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức sản xuất ở nông thôn; thúc đẩy phát triển nông thôn; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế.

+ Rà soát diện tích đất nông nghiệp, nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng chuyên canh, đồng thời có biện pháp khai thác đất bỏ hoang, chống lãng phí đất đai, chống lấn chiếm đất nông nghiệp.

e) Tăng cường liên kết giữa các khu vực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế gắn với phát triển đô thị vệ tinh, đặc biệt là khu vực phía Nam và Tây Nam Thành phố cần được tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội để thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực để thúc đẩy phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của Thủ đô

3.1. Tổ chức lập và quản lý quy hoạch làm cơ sở để khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực: Hoàn thành nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt trong năm 2021. Đồng thời, phối hợp với các Bộ ngành Trung ương để cập nhật, tích hợp các quy hoạch của Thành phố vào Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng. Hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

a) Về huy động các nguồn lực phát triển: Quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững:

- Thực hiện *kiểm kê, đánh giá đầy đủ, thực chất các nguồn lực* để có phương án quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy có hiệu quả.

- *Đối với nguồn nhân lực:* Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục dạy nghề theo hướng xã hội hóa. Gắn đào tạo nghề với nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực. Phát triển thông tin thị trường lao động, tập trung đầu tư xây dựng các trường cao đẳng, trung cấp thuộc Thành phố sau sắp xếp thành trường chất lượng cao, có quy mô lớn với cơ cấu đa ngành nghề. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với cơ chế thỏa thuận về tiền lương trong doanh nghiệp thông qua việc giám sát, kiểm tra, thực hiện cơ chế đối thoại, thương lượng và thỏa thuận giữa các chủ thể trong quan hệ lao động. Kịp thời triển khai các quy định về chế độ, chính sách tiền lương mới. Đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, trọng dụng nhân tài để phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.

- *Đối với nguồn vật lực:* Rà soát, xử lý triệt để bất cập trong quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí... Nâng cao chất lượng, hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện dự án. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

- *Đối với nguồn tài lực:* Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành. Nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, chuyển giá và nợ đọng thuế. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp. Phát triển công nghệ tài chính và kinh tế số. Nghiên cứu xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công. Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước; đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; khuyến khích, hỗ trợ thực hiện xã hội hoá đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Về huy động các nguồn vốn đầu tư

- *Vốn đầu tư từ ngân sách Thành phố:* Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư. Ưu tiên đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, tính kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm việc huy động, sử dụng nguồn vốn đầu tư công đúng mục đích, hiệu quả, xử lý nghiêm các vi phạm gây tổn thất, lãng phí...

- *Nguồn vốn trong nước ngoài ngân sách:* Xây dựng danh mục kêu gọi đầu tư, lựa chọn đầu tư, tập trung cho các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, thương mại; du lịch, khách sạn; nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi gia súc gia cầm và chế biến nông sản; công viên cây xanh; khu vui chơi giải trí; cấp nước sạch; bến bãi đỗ xe; nhà ở và kinh doanh bất động sản khác; xã hội hóa y tế, giáo dục, thể dục, thể thao, môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nghĩa trang. Rà soát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất chậm triển khai và vi phạm pháp luật về đất đai. Có biện pháp xử lý đối với từng dự án theo quy định (thu hồi, bãi bỏ quyết định giao đất, gia hạn sử dụng đất) để khai thác các nguồn lực từ đất.

- *Nâng cao hiệu quả thu hút nguồn vốn FDI* để thúc đẩy tăng trưởng, chọn lọc các lĩnh vực công nghệ cao và gắn với bảo vệ môi trường, chú trọng liên kết và chuyển giao công nghệ. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm hướng theo lĩnh vực, thị trường, đối tác ưu tiên. Tập trung kêu gọi các dự án có quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Ưu tiên thu hút các tập đoàn xuyên quốc gia thuộc top 500 hàng đầu. Đồng thời với việc thu hút đầu tư các dự án mới, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn thực hiện.

- *Nguồn vốn vay*: Ưu tiên sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật (ODA) cho các lĩnh vực: xây dựng chính sách, phát triển thể chế và tăng cường năng lực quản lý dự án, quản lý hạ tầng đô thị; hỗ trợ phát triển cho vùng đồng bào dân tộc của Hà Nội.

4. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản lý kinh tế, thúc đẩy kinh tế Thủ đô phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững

4.1. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh

- Kiên trì các giải pháp nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu trong nhóm có thứ hạng cao so với cả nước. Tập trung khắc phục và tiếp tục nâng cao các chỉ số thành phần còn xếp hạng thấp như: chỉ số môi trường cạnh tranh bình đẳng; chỉ số tính minh bạch.... Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp tư nhân. Phát hành Sách trắng doanh nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các hợp tác xã.

- Từng bước hình thành, phát triển một số mô hình kinh tế mới: kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm... Đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, nâng cao tỷ trọng đóng góp kinh tế số trong GRDP lên khoảng 30% vào năm 2025.

- Thực hiện đồng bộ các hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh: Hỗ trợ pháp lý, các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi (Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp), các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai, nhân lực, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, công nghiệp hỗ trợ, khuyến công, khuyến nông, sản xuất chế biến tiêu thụ nông sản. Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh, khắc phục tác động của dịch bệnh Covid-19.

- Rà soát, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin, tăng tính minh bạch hóa các quy trình, thủ tục hành chính. Tháo gỡ về thủ tục cho các nhà đầu tư, đẩy nhanh tiến độ cấp phép và triển khai thực hiện dự án. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thực hiện quyết liệt các giải pháp giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư.

4.2. Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế; tăng cường xã hội hóa đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội; tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Quyết liệt thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bãi bỏ các rào cản, tập trung vào việc nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, vốn đầu tư,...; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển theo quy định của pháp luật; hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền nhằm tăng tính tự chủ gắn với tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

5. Nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

5.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Thực hiện tốt công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh; khuyến khích học sinh đi học nghề, tạo điều kiện thuận lợi thu hút học sinh vừa học văn hóa, vừa học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề tại các quận, huyện, thị xã. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Ưu tiên phát triển các ngành nghề đáp ứng nhu cầu trong lĩnh vực mũi nhọn như: Du lịch, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ tự động hóa, số hóa công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, dược, mỹ phẩm, nông nghiệp công nghệ cao, logistics... Đến 2025, phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75-80%, tỷ lệ thất nghiệp thành thị còn dưới 3%.

- Tập trung hợp tác theo chiều sâu với các đối tác quốc tế, các hoạt động đổi mới sáng tạo. Phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có tư duy sáng tạo, phương pháp, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, khoa học, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thu hút, trọng dụng cán bộ trẻ, có năng lực trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô.

- Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy tinh thần yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, khát vọng phát triển và sức sáng tạo của cán bộ, công chức và Nhân dân trong công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô.

5.2. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Thực hiện nhất quán chủ trương khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại. Khai thác, phát huy các tiềm lực để xây dựng Hà Nội thành trung tâm công nghệ cao với năng lực nghiên cứu, sáng chế và ứng dụng chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và có vị trí cao về một số lĩnh vực trong khu vực.

- Phát triển nghiên cứu khoa học phục vụ cho giải pháp quản lý đô thị lớn, thông minh, hiện đại gắn với đặc thù của một trung tâm văn hóa, chính trị, giáo dục, là nơi văn hóa và con người Hà Nội đóng vai trò là nguồn lực quan trọng phát triển Thủ đô.

- Phần đầu Thủ đô là đầu tàu của cả nước trong việc thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp trên nền tảng đổi mới công nghệ và áp dụng các hệ thống quản lý, quản trị tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, áp dụng các tiêu chuẩn phù hợp với khu vực và quốc tế.

- Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Dành nguồn lực đầu tư đáng kể cho lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố. Ưu tiên phát triển thị trường khoa học, công nghệ đồng bộ; đa dạng hóa, hình thành mạng lưới các tổ chức dịch vụ định giá công nghệ, môi giới chuyên giao công nghệ, tài sản trí tuệ. Phát triển các dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới, định giá sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố. Phát triển Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội tiến tới là sàn giao dịch công nghệ quốc gia kết nối liên thông với các trung tâm công nghệ lớn của thế giới. Phát triển thương hiệu của Thủ đô, hình thành mô hình phát triển doanh nghiệp dựa trên việc bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ. Hình thành đầy đủ cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thủ đô, kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ quốc gia và quốc tế.

5.3. Chủ động, tích cực, tận dụng có hiệu quả các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số

- Tập trung triển khai và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án: Chuyển đổi số thành phố Hà Nội; Thành phố thông minh; Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số; Kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thành hạ tầng ICT và các dịch vụ bưu chính viễn thông theo xu hướng công nghệ mới, hiện đại; hoàn thành thí điểm và phát triển mạng 5G; lắp đặt hệ thống Wifi miễn phí tại các khu du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử trên địa bàn Thành phố.

- Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại trong quá trình phát triển. Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông thế hệ mới (hạ tầng số), bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng và hạ tầng điện toán đám mây (là hạ tầng quan trọng nhất phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số), hướng tới chính quyền số, đô thị thông minh.

- Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan của hệ thống chính trị Thành phố, xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số; xây dựng thành phố thông minh. Đưa ứng dụng CNTT vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; trong đó ưu tiên hàng đầu cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, giao thông, an ninh trật tự, xã hội. Phát triển các doanh nghiệp công nghệ số; định hướng, hỗ trợ, dẫn dắt các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ lõi, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

6. Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển, nâng cao uy tín, vị thế Thủ đô

- Đổi mới sáng tạo trong công tác đối ngoại; xác định hiệu quả đối ngoại không chỉ là nguồn lực mà còn là sức mạnh mềm, động lực cho phát triển Thủ đô. Phát huy

tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô ngàn năm văn hiến, anh hùng, các danh hiệu “Thành phố vì hòa bình”, “Thành phố sáng tạo”, để bản sắc Hà Nội trở thành nguồn lực quý giá, tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy sự thịnh vượng, nâng cao uy tín, vị thế Thủ đô, hiện thực hóa tầm nhìn đưa Hà Nội trở thành Thành phố kết nối toàn cầu.

- Xây dựng Kế hoạch hoạt động đối ngoại phù hợp với thực tiễn và bám sát các nhiệm vụ đối ngoại trọng tâm của Đảng và Nhà nước. Tổ chức các sự kiện văn hóa quốc tế diễn ra tại Hà Nội, các hoạt động đối ngoại nhân kỷ niệm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với các nước và giữa Thủ đô Hà Nội với các thủ đô, thành phố, địa phương trên Thế giới.

- Chủ động, tích cực nắm bắt, tận dụng các cơ hội, giảm thiểu tác động tiêu cực của hội nhập quốc tế. Nâng cao năng lực đánh giá, dự báo các xu thế của hội nhập, đặc biệt trong việc thực hiện các cam kết thương mại, các FTA ở cấp độ cao hơn để điều chỉnh chính sách và biện pháp phù hợp. Phát huy tinh thần “Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước”; tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước trên tinh thần hiệu quả, cùng có lợi, nhất là các lĩnh vực thương mại, du lịch, bảo vệ môi trường, trật tự an toàn xã hội,... Đẩy mạnh hợp tác, liên kết phát triển kinh tế vùng gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy thế mạnh của từng địa phương và toàn vùng.

- Nâng cao chất lượng hoạt động đối ngoại nhân dân, công tác thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Thực hiện các hoạt động trong mạng lưới “Thành phố sáng tạo”. Thực hiện hỗ trợ hiệu quả các chuyên gia nước ngoài nhập cảnh làm việc tại các dự án lớn trên địa bàn Thành phố. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương trong những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển Thủ đô.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Thành ủy

Chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Hàng năm, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình ở các tổ chức đảng trực thuộc, các cơ quan, đơn vị của Thành phố; chỉ đạo tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm và tổng kết Chương trình vào năm 2025.

2. Ban Chỉ đạo Chương trình

Xây dựng kế hoạch, các đề án chuyên đề cụ thể để tổ chức thực hiện nội dung Chương trình. Hằng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy tham mưu công tác sơ kết, tổng kết Chương trình.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố

Chỉ đạo thể chế hoá các nhiệm vụ, mục tiêu chương trình thành nghị quyết của HĐND Thành phố, thông qua các cơ chế, chính sách về tái cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế đồng thời phát triển nhanh và bền vững; quyết định các định hướng, mục tiêu, biện pháp cân đối ngân sách để hoàn thành mục tiêu đề ra; tổ chức giám sát việc thực hiện của các cấp, các ngành.

4. Ban cán sự đảng UBND Thành phố

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện; cụ thể hóa các nội dung Chương trình bằng các đề án, chuyên đề, dự án để thực hiện Chương trình có hiệu quả thiết thực; tăng cường đôn đốc, hướng dẫn các cấp, các ngành kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy kết quả tổ chức thực hiện Chương trình.

5. Các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình. Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các đề án, chuyên đề, quy chế, quy định, kế hoạch công tác để cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tham mưu giúp Thành ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp, nắm tình hình, tham mưu với Thành ủy chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện chương trình hằng năm và tổng kết Chương trình vào cuối nhiệm kỳ.

6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ban Thường vụ Thành đoàn

Xây dựng kế hoạch và các đề án, chuyên đề cụ thể để thực hiện Chương trình đạt hiệu quả cao; tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Chương trình. Tổng hợp, nắm bắt tình hình thực tiễn để tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình với Ban Thường vụ Thành ủy.

7. Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy; các sở, ban, ngành Thành phố

Xây dựng các đề án, chuyên đề, kế hoạch công tác cụ thể hóa nội dung Chương trình, triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Định kỳ hằng năm, tiến hành báo cáo, sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết cuối nhiệm kỳ, rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình. Báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Thành ủy.

II. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Năm 2021: Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các cấp ủy trực thuộc và các cơ quan, đơn vị trong toàn Thành phố. Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện trong cả nhiệm kỳ. Triển khai nghiên cứu, xây dựng các đề án, chuyên đề, chương trình công tác để cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Từ năm 2021 đến năm 2024: Tập trung tổ chức thực hiện các đề án, chuyên đề, kế hoạch công tác. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm.

Năm 2025: Tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả thực hiện Chương trình trước khi tổ chức Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (để báo cáo),
- Ban Thường vụ Thành ủy,
- Đảng đoàn HĐND Thành phố,
- Ban cán sự đảng UBND Thành phố,
- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Thành phố,
- Các ban đảng, Văn phòng Thành ủy,
- Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành Thành phố,
- Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố,
Ban Thường vụ Thành đoàn,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các đ/c Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy. *Handwritten mark*

T/M THÀNH ỦY
BÍ THƯ



Vương Đình Huệ



Phụ lục 1: Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm 2016-2020 và KH 2021-2025

T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	Nghị quyết Đại hội XVI	Nghị quyết 05/NQ-HĐND	GRDP điều chỉnh quy mô	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TB 2016-2019	KH 2020	TH 2020	TB 2016-2020	KH 2021-2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tăng trưởng GRDP															Sở KHĐT
a	<i>GRDP bình quân/người/năm:</i>															
	GRDP bình quân/người/năm (Chưa đ. chỉnh quy mô)	Triệu đồng (USD)	76,7	140-145 (~6.700 - 6.800)			82,43	90,10	98,25	106,7		115,28				
	GRDP bình quân/người/năm (Điều chỉnh quy mô)	Triệu đồng (USD)	90,53			126-129 (5.600-5.730)	96,3	104,1	111,58 (4.850)	120,22 (5.185)		127,55 (5.420)	122,74 (5.285)		195-200 (8.300-8.500)	
b	<i>Điều chỉnh quy mô</i>	%	6,93			7,3-7,8	7,16	7,39	7,25	7,65	7,36	7,50	3,98	6,68	7,5-8,0	
	- Hoạt động ngành dịch vụ	%	7,12			7,0-7,5	6,86	7,19	7,27	7,59	7,23	6,85	3,29	6,43	8,0-8,5	
	- Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,23			6,5-6,9	6,97	5,90	5,40	5,40	5,92	5,94	3,09	5,34	3,5-4,0	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	8,74			9,0-9,3	8,73	9,59	8,62	9,90	9,21	10,46	6,39	8,64	8,5-9,0	
	+ Công nghiệp	%	10,06			8,6-9,0	6,99	8,60	8,04	8,73	8,09	8,84	4,91	7,44		
	+ Xây dựng	%	6,49			9,9-10,2	12,03	11,39	9,64	11,94	11,25	13,22	8,90	10,77		
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,08			2,5-3,0	3,00	1,62	4,00	-0,09	2,12	4,55	4,20	2,53	2,5-3,0	
2	Cơ cấu ngành kinh tế															Sở KHĐT
	<i>Điều chỉnh quy mô</i>	%	100			100	100	100	100	100			100		100	
	- Hoạt động ngành dịch vụ	%	64,98			63,8-64,2	64,71	64,45	63,97	63,73			62,79		65-65,5	
	- Thuế NK và thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11,69			7,6-7,8	11,76	11,68	11,61	11,35			11,30		10,4-10,6	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	20,79			26,0-26,5	21,04	21,70	22,27	22,90			23,67		22,5-23	
	+ Công nghiệp						14,43	14,78	15,13	15,48			15,77			
	+ Xây dựng						6,61	6,92	7,14	7,42			7,90			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,54			1,8-2,4	2,49	2,17	2,15	2,02			2,24		1,4-1,6	
3	GRDP bình quân /người/năm	USD												5.285	8.300-8.500	
4	Huy động vốn đầu tư xã hội (Chưa đ/c quy mô)	1.000 tỷ đ.	1.421,66	2.500 - 2.600		---	---	---	---	---						Sở KHĐT
	<i>Vốn đầu tư thực hiện/GRDP (Chưa đ/c quy mô)</i>	%				60-62										
	Huy động vốn đầu tư xã hội (Điều chỉnh quy mô)	1.000 tỷ đ.	1.054,33			1.700-1.750	278,88	305,20	339,43	379,31			413,51	1.716,3	3.100-3.200	
	<i>Vốn đầu tư thực hiện/GRDP (Đ/c quy mô)</i>	%					38,2	37,9	38,4	39,0			40,7	38,92	39,2-39,4	
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm 2025	%													30	Sở KHĐT
6	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	6,05		6,5-7,0		8,1	8,1	6,5							Sở KHĐT
	Năng suất lao động xã hội tăng bq (cách tính mới)	%				5,44-5,87	6,26	6,68	5,62	6,02	6,14		4,12	5,74	7,0-7,5	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	53,14	70-75	70-75		56,93	60,66	63,18	67,50			70,20		75-80	Sở LĐTBXH
8	Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế tạo trong GRDP	%					13,16	13,47	13,81	13,90	13,62		13,64	13,62	17	Sở CT
9	Điện năng thương phẩm bình quân đầu người	Kwh/người											2.400		3.000	Sở CT
10	Kim ngạch xuất nhập khẩu															Sở CT
	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD					10.683	11.705	13.909	15.695			15.976		20.470	
	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD					25.238	28.825	30.977	31.636			28.772		36.690	
11	Số lượt khách du lịch đón và phục vụ	Triệu lượt khách												8,65	35-39	Sở DL
	Trong đó: Khách quốc tế													1,11	8-9	

Phụ lục 2: Chỉ tiêu Kế hoạch KT-XH 5 năm 2021-2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Ghi chú
1	Tăng trưởng GRDP	%	6,68	7,5-8,0	
	- Dịch vụ	%	6,43	8,0-8,5	
	- Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	5,34	3,5-4,0	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	8,64	8,5-9,0	
	+ Công nghiệp	%	7,44	7,5-8,0	
	+ Xây dựng	%	10,77	10-10,5	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,53	2,5-3,0	
2	Cơ cấu ngành kinh tế *	%	100	100	
	- Dịch vụ	%	62,79	65,0-65,5	
	- Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11,30	10,4-10,6	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	23,67	22,5-23,0	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,24	1,4-1,6	
3	GRDP bình quân/người/năm *	Triệu đồng (USD)	122,74 (5.285)	8.300 - 8.500	
4	Huy động vốn đầu tư xã hội	1.000 tỷ đ.	1.716	3.100 - 3.200	
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP *	%		30,0	
6	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	5,74	7,0-7,5	
7	Chỉ tiêu về văn hóa *				
	- Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hóa	%	72,0	75,0	
	- Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hoá	%	62,0	65,0	
	- Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	%	88,0	86-88	
8	Tỷ lệ trường công lập (MN, TH, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia *	%	70,0	80-85	
9	Chỉ tiêu về y tế *				
	- Số giường bệnh/vạn dân	gi.b./v.dân	27,1	30-35	
	- Số bác sỹ/vạn dân	b.sỹ/v.dân	13,5	15	
	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn QG về y tế (chuẩn mới)	%	100	100	
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo *	%	70,2	75-80	
	- Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ *	%	48,5	55-60	
11	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị *	%	3,22	< 3	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2016-2020	KH 2021-2025	Ghi chú
12	Tỷ lệ hộ nghèo cuối kỳ (theo tiêu chuẩn của Thành phố) *	%	0,21	Không còn hộ nghèo, hộ tái nghèo	
13	Xây dựng nông thôn mới (NTM) *				
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM	%	96,3	100	
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM nâng cao	%		40	
-	Tỷ lệ xã đạt NTM kiểu mẫu	%		20	
-	Hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM cấp Thành phố			Hoàn thành	
14	Phát triển đô thị *				
-	Tỷ lệ đô thị hóa	%	49,2	60-62	
-	Tỷ lệ diện tích phủ kín của các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu	%	83	100	
15	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch *	%		100	
-	Tỷ lệ hộ dân thành thị được cung cấp nước sạch	%	~100	100	
-	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch	%	78,0	100	
16	Tỷ lệ các chất thải và nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn về môi trường *				
-	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	~100	100	
-	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	%	100	100	
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	
-	Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải	%		100	
-	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	28,8	50-55	
17	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng *	%	13,4	30-35	

Ghi chú: * Số liệu của năm cuối kỳ

** Tỷ giá lấy theo hiện tại 1 USD = 23.540 VND

Phụ lục 3: Tiêu chí và chỉ tiêu công nghiệp hóa Thủ đô *

TT	Tiêu chí, chỉ tiêu	Chuẩn CNH, HĐH	Năm 2018	Năm 2020	Mục tiêu năm 2025	Mục tiêu năm 2030
I	Về trình độ phát triển kinh tế					
1	GRDP/người giá thực tế, USD	>5.000	4.853	5.285	8.300-8.500	>12.500
2	Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản trong GRDP, %	<10	2,15	2,24	1,4-1,6	1,0-1,2
3	Tỷ trọng lao động nông, lâm, thủy sản trong tổng lao động xã hội, %	20-30	13,2	12,8	10-11	7-8
4	Giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo trong GRDP, %	>20	13,8	13,64	17,0	20
5	Giá trị sản phẩm công nghệ cao trong GRDP, %	>70	27,43	35	>70	85
6	Tỷ lệ đô thị hóa, %	>50	49,2	50	60-62	75
7	Điện thương phẩm đầu người, KWh/người	3.000	2.108	3.000	>3.000	>4.200
II	Về trình độ phát triển văn hóa - xã hội					
8	Chỉ số phát triển con người (HDI)	>0,70	0,831	0,874	0,879	0,884
9	Tuổi thọ bình quân, năm	>73	75,3	75,5	76,5	>76,5
10	Chỉ số GINI	0,32-0,38	0,408	0,395	0,392	0,390
11	Số bác sỹ trên 10.000 dân, bác sỹ	>10	13,3	13,5	15	16
12	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo được cấp chứng chỉ, %	55	63,8	70	80-85	>85
13	Tỷ lệ người sử dụng internet, %	>35	51	>60	>70	>75
14	Tỷ lệ tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu Tổ dân phố văn hoá, %	≥72	71	72	75	≥75
15	Tỷ lệ làng, thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu Làng, thôn, bản văn hoá, %	≥62	60,5	62	65	≥65
III	Về trình độ phát triển đô thị					
16	Diện tích nhà ở đô thị, m2/người	>26	26,1	26,3	29	31
17	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng, %	60	14,2	20,08	30-35	60
18	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (mức 4), %	100	62	80	100 (50-60)	(100)
19	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, %	100	78,3	100	100	100
20	Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên diện tích đất xây dựng đô thị, %	23	9,55	10,05	>18	23
IV	Về trình độ bảo vệ và quản lý môi trường					
21	Diện tích cây xanh đô thị bình/ người, m2	9	8,5	9,0	10,6	>12
22	Giảm phát thải khí nhà kính hàng năm, %	1,5-2,0	0,5	>1,5	>1,5	>1,5
23	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bằng các công nghệ hiện đại, không chôn lấp, %	70	<20	65	75	>85
24	Tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt đô thị theo công nghệ hiện đại, %	90	22,2	49,5	>80	90

* Danh mục tiêu chí, chỉ tiêu theo Đề án “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô Hà Nội đến năm 2025, định hướng năm 2030” đã được phê duyệt tại Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND thành phố Hà Nội. Đã cập nhật các chỉ tiêu năm 2018 theo Niên giám thống kê 2018 và cập nhật điều chỉnh một số chỉ tiêu đến năm 2025 và 2030 theo tình hình thực tế và phương án tăng trưởng lựa chọn

Phụ lục 4: PCI của Hà Nội 2011-2019

TT	Nội dung	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	Năm 2019 so năm 2015
	Chỉ số PCI	36	51	33	26	24	14	13	9	9	15
1	Gia nhập thị trường	14	31	50	62	63	63	62	6	10	53
2	Tiếp cận đất đai	59	63	62	62	63	63	59	56	41	22
3	Tính minh bạch	31	39	13	19	31	45	37	55	36	-5
4	Chi phí thời gian	57	54	62	58	59	53	15	22	21	38
5	Chi phí không chính thức	50	56	61	52	56	53	55	43	41	15
6	Cạnh tranh bình đẳng			54	60	57	61	58	62	56	1
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	54	61	61	63	59	62	62	57	45	14
8	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	1	10	2	4	5	2	2	5	4	1
9	Đào tạo lao động	8	1	5	4	2	2	2	4	4	-2
10	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	34	56	62	60	60	59	59	58	45	15

Phụ lục 5: Dự báo vốn đầu tư phát triển của Hà Nội

TT	Năm, Giai đoạn	Tăng trưởng %	GRDP cuối kỳ giá hiện hành (1.000 tỷ đồng)	Vốn đầu tư phát triển, nghìn tỷ đồng			ĐTPT/GRDP %	ICOR	
				Tổng số	Trong đó:				
					Nhà nước	Ngoài Nhà nước			Đầu tư nước ngoài
-	2010		355,83	148,11	75,52	52,27	20,33	41,62	
-	2011	6,84	441,30	170,75	91,10	57,89	21,76	38,69	
-	2012	6,28	508,84	191,26	105,26	65,89	20,12	37,59	
-	2013	6,95	566,98	209,26	108,20	77,55	23,51	36,91	
-	2014	7,20	622,46	230,38	111,50	94,17	24,71	37,01	
1	2015	7,39	672,95	252,69	109,77	115,97	26,95	37,55	
2	2016	7,16	730,94	278,88	117,93	133,36	27,59	38,15	4,81
3	2017	7,39	806,30	305,20	118,81	154,62	31,77	37,85	4,05
4	2018	7,25	883,10	339,43	127,01	175,55	36,86	38,44	4,42
5	2019	7,65	973,05	379,31	135,56	201,18	42,58	38,98	4,22
6	TH 2020	3,98	1.016,34	413,51	141,76	226,78	44,96	40,69	9,55
TH 2016-2020				1.716,32	641,07	891,49	183,77	38,92	5,00
KH	2021	7,5	1.130,81	465,00				41,12	4,06
		8,00	1.136,07	467,20				41,12	3,90
7	2021-2025	7,5-8,0	1.757,2	3.055,0	930,0	1.625,0	500,0	42,9	4,12
8	2026-2030	8,00	3.066,5	5.689,7	1.769,7	3.000,0	920,0	45,1	4,35
9	2031-2035	8,00	5.750,0	10.185,9	3.035,9	5.500,0	1.650,0	45,9	3,80
10	2036-2040	6,00	7.908,7	14.211,5	3.061,5	9.000,0	2.150,0	40,2	6,58
11	2041-2045	5,00	11.144,2	17.290,5	2.690,5	12.000,0	2.600,0	33,8	5,34
Cơ cấu vốn đầu tư phát triển, %									
1	2015			100	43,44	45,89	10,66		
2	2016			100	42,29	47,82	9,89		
3	2017			100	38,93	50,66	10,41		
4	2018			100	37,42	51,72	10,86		
5	2019			100	35,74	53,04	11,23		
6	ƯTH 2020			100	34,28	54,84	10,87		
TH 2016-2020				100	37,35	51,94	10,71		
7	2021-2025			100	30,44	53,19	16,37		
8	2026-2030			100	31,10	52,73	16,17		
9	2031-2035			100	29,80	54,00	16,20		
10	2036-2040			100	21,54	63,33	15,13		
11	2041-2045			100	15,56	69,40	15,04		

Phụ lục 6: Danh mục các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp - làng nghề, Trung tâm logistics, Khu CNTT tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
I	KHU CÔNG NGHIỆP					
1	KCN Bắc Thăng Long	274	Đông Anh	X		Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
2	KCN Nội Bài	114	Sóc Sơn	X		Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
3	KCN Sài Đồng	47	Long Biên	X		Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
4	KCN Hà Nội - Đài Tư	40	Long Biên	X		Đã đầu tư xong hạ tầng, đang đề nghị chuyển đổi thành đô thị
5	KCN Nam Thăng Long	30	Bắc Từ Liêm	X		Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
6	KCN Quang Minh I	407	Mê Linh	X		Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
7	KCN Thạch Thất - Quốc Oai	155	Thạch Thất, Quốc Oai	X		Đã đầu tư xong hạ tầng và lấp đầy 100%
8	KCN Phú Nghĩa	165	Chương Mỹ	X		Đã đầu tư xong hạ tầng, lấp đầy khoảng 93%
9	KCN hỗ trợ Nam Hà Nội	72	Phú Xuyên	X		Đã cơ bản xong hạ tầng, đang thu hút đầu tư
10	KCN Quang Minh II	159	Mê Linh			Chủ đầu tư là Công ty Hợp Quần; Hiện đang điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500
11	Khu công nghệ cao sinh học	200,6	Bắc Từ Liêm			Chủ đầu tư là Công ty Pacific Land; Đang thực hiện lập Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500
II	CỤM CÔNG NGHIỆP					
1	CCN thị trấn Phùng	32,3	Đan Phượng	X		Đã lấp đầy 100%
2	CCN Tân Hội	4,7	Đan Phượng	X		Đã lấp đầy 100%
3	CCN Đan Phượng	28	Đan Phượng	X		Giai đoạn 1, diện tích 22ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 6,09ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
4	CCN Yên Sơn	8,8	Quốc Oai	X		Đã lấp đầy 100%

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
5	CCN Ngọc Liệp	37,8	Quốc Oai	X		Giai đoạn 1, diện tích 21ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 9,5ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
6	CCN Yên Nghĩa	43,6	Hà Đông	X		Đã lấp đầy 100%
7	CCN Biên Giang	30,7	Hà Đông	X		Đã lấp đầy 100%
8	CCN Tích Giang	8,7	Phúc Thọ	X		
9	CCN thị trấn Phúc Thọ	20,6	Phúc Thọ	X		Đã lấp đầy 100%
10	CCN Nam Phúc Thọ - Giai đoạn 1	41,7	Phúc Thọ		X	
11	CCN Lại Yên	20,7	Hoài Đức	X		Đã lấp đầy 100%
12	CCN Trường An	10,9	Hoài Đức	X		Đã lấp đầy 100%
13	CCN Đắc Sở	6,3	Hoài Đức	X		Đã lấp đầy 100%
14	CCN Cầu Nối - Vân Canh	13,4	Hoài Đức	X		
15	CCN Di Trạch	9,99	Hoài Đức	X		Đã lấp đầy 100%
16	CCN An Thượng	10	Hoài Đức	X		
17	CCN Kim Chung (Lai Xá)	49	Hoài Đức	X		Đã lấp đầy 100%
18	CCN Vân Đình	50	Ứng Hòa	X		
19	CCN Thanh Oai	59,3	Thanh Oai	X		Đã lấp đầy 100%
20	CCN Bích Hoà	10,3	Thanh Oai	X		
21	CCN Bình Minh- Cao Viên	41,3	Thanh Oai	X		
22	CCN Dân Hòa	10	Thanh Oai	X		
23	CCN Kim Bài	41,6	Thanh Oai		X	
24	CCN Thanh Văn - Tân Ước	47,8	Thanh Oai		X	
25	CCN Tam Hưng	36	Thanh Oai			

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
26	CCN Sơn Đông	75	Sơn Tây	X		Giai đoạn 1, diện tích 12ha đã có 01 doanh nghiệp đang hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 62ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
27	CCN Phú Thịnh	8,5	Sơn Tây	X		Đã lấp đầy 100%
28	CCN Cỏ Đông	75	Sơn Tây			
29	CCN Ngọc Hồi	56,4	Thanh Trì	X		
30	CCN Đông Anh	18,5	Đông Anh	X		Đã lấp đầy 100%
31	CCN Nguyễn Khê	77,6	Đông Anh	X		
32	CCN Tân Tiến	9,8	Chương Mỹ	X		Đã lấp đầy 100%
33	CCN Đại Yên	4,98	Chương Mỹ	X		
34	CCN Đông Phú Yên	51,8	Chương Mỹ	X		Giai đoạn 1, diện tích 11ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 41ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
35	CCN Ngọc Hòa	5,21	Chương Mỹ	X		Đã lấp đầy 100%
36	CCN Phụng Châu	4,5	Chương Mỹ	X		Đã lấp đầy 100%
37	CCN Đông Sơn	5,6	Chương Mỹ	X		Đã lấp đầy 100%
38	CCN Ngọc Sơn	19,99	Chương Mỹ	X		Đã lấp đầy 100%
39	CCN Hà Bình Phương 1	41,6	Thường Tín	X		Đã lấp đầy 100%
40	CCN Liên Phương	18,7	Thường Tín	X		Đã lấp đầy 100%
41	CCN Hà Bình Phương 2	9,11	Thường Tín	X		Đã lấp đầy 100%
42	CCN Quất Động 2 (mở rộng)	43,5	Thường Tín	X		Đã lấp đầy 100%
43	CCN Duyên Thái	18,4	Thường Tín	X		Đã lấp đầy 100%
44	CCN Quất Động	23,6	Thường Tín	X		Đã lấp đầy 100%
45	CCN Từ Liêm	65,1	Bắc Từ Liêm	X		Đã lấp đầy 100%

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
46	CCN Cam Thượng	16	Ba Vì	X		
47	CCN Đồng Giai	20	Ba Vì	X		
48	CCN Tân Lĩnh	10	Ba Vì	X		
49	CCN T.Phẩm Hapro	32,6	Gia Lâm	X		Đã lấp đầy 100%
50	CCN Ninh Hiệp	60,1	Gia Lâm	X		Đã lấp đầy 100%
51	CCN Phú Thị	53,5	Gia Lâm	X		Giai đoạn 1, diện tích 20,2ha đã hoàn thiện hạ tầng và đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 32,57ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
52	CCN Lâm Giang	26,7	Gia Lâm		X	
53	CCN CN2	50,4	Sóc Sơn		X	
54	CCN CN3	78,2	Sóc Sơn		X	
55	CCN Mai Đình	67	Sóc Sơn		X	
56	CCN Lai Sơn 1	15	Sóc Sơn			
57	CCN Lai Sơn 2	15	Sóc Sơn			
58	CCN Ný	50	Sóc Sơn			
59	CCN Đại Nghĩa	30	Mỹ Đức			
III	CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ					
1	CCN Liên Hà	9,6	Đan Phượng	X		Đã lấp đầy 100%
2	CCN Hồ Điền	3,3	Đan Phượng	X		Đã lấp đầy 100%
3	CCN Song Phượng	6,0	Đan Phượng		X	
4	CCN Hồng Hà	6,0	Đan Phượng		X	
5	CCN Phương Đình	8,0	Đan Phượng			
6	CCN Thọ Xuân	5,0	Đan Phượng			

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
7	CCN Liên Hiệp	20	Phúc Thọ	X		Giai đoạn 1, diện tích 8ha đã đi vào hoạt động. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 12ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
8	CCN Tam Hiệp	20	Phúc Thọ		X	
9	CCN Thanh Đa	8,3	Phúc Thọ		X	
10	CCN Long Xuyên	5,96	Phúc Thọ		X	
11	CCN Võng Xuyên	5,92	Phúc Thọ		X	
12	CCN Phụng Thượng	22	Phúc Thọ			
13	CCN Sen Chiểu	20	Phúc Thọ			
14	CCN Hát Môn	10	Phúc Thọ			
15	CCN Võng Xuyên 2	5	Phúc Thọ			
16	CCN La Phù	11,5	Hoài Đức	X		Đã lấp đầy 100%
17	CCN Đại Tự	7,9	Hoài Đức	X		
18	CCN Dương Liễu	29	Hoài Đức	X		Giai đoạn 1, diện tích 11ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đang đầu tư xây dựng nhà xưởng. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 17ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
19	CCN Đông La	10	Hoài Đức		X	
20	CCN Cát Quế	10	Hoài Đức			
21	CCN Minh Khai	12	Hoài Đức			
22	CCN Sơn Đồng	15	Hoài Đức			
23	CCN Dương Liễu 2	27	Hoài Đức			
24	CCN Bình Phú	21	Thạch Thất	X		Đã lấp đầy 100%
25	CCN Bình Phú I	15,3	Thạch Thất	X		Giai đoạn 1, diện tích 14,71ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 15,73ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
26	CCN Canh Nậu	10,7	Thạch Thất	X		
27	CCN Chàng Sơn	26	Thạch Thất	X		Giai đoạn 1, diện tích 10,7ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 15,3ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
28	CCN Cơ kim khí Phùng Xá	18,7	Thạch Thất	X		
29	CCN Đồ mộc dân dụng Phùng Xá	4,2	Thạch Thất	X		
30	CCN Kim Quan	10,7	Thạch Thất	X		
31	CCN làng nghề Dị Nậu	10	Thạch Thất		X	
32	CCN làng nghề Hữu Bằng	30	Thạch Thất		X	
33	CCN Thạch Xá	10	Thạch Thất			
34	CCN Hương Ngải	10	Thạch Thất			
35	CCN Xà Cầu	19	Ứng Hòa	X		Giai đoạn 1, diện tích 2,1ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 7,29ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
36	CCN Cầu Bàu	7,7	Ứng Hòa		X	
37	CCN Trường Thịnh	10	Ứng Hòa			
38	CCN Đồng Tân	10	Ứng Hòa			
39	CCN Kim Đường	10	Ứng Hòa			
40	CCN Hòa Xá	7	Ứng Hòa			
41	CCN Hoa Sơn	10	Ứng Hòa			
42	CCN Minh Đức	10	Ứng Hòa			
43	CCN Thanh Thủy	12	Thanh Oai	X		Giai đoạn 1, diện tích 5,5 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 6,5ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
44	CCN Hồng Dương	11,2	Thanh Oai		X	

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
45	CCN Phương Trung	9,1	Thanh Oai		X	
46	CNN Tân Triều	10,5	Thanh Trì	X		
47	CCN Hữu Hòa	5	Thanh Trì			
48	CCN Vạn Phúc	6	Thanh Trì			
49	CCN Liên Hà	2,9	Đông Anh	X		
50	CCN Vân Hà	10,1	Đông Anh	X		
51	CCN Thiết Bình	21,1	Đông Anh		X	
52	CCN Liên Hà 2	20	Đông Anh		X	
53	CCN Dục Tú	15	Đông Anh		X	
54	CCN Thụy Lâm	17	Đông Anh		X	
55	CCN Vạn Điểm	7,2	Thường Tín	X		
56	CCN Tiên Phong	18	Thường Tín	X		Giai đoạn 1, diện tích 7,6 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 8,1ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
57	CCN sơn mài Duyên Thái	12,6	Thường Tín	X		
58	CCN Ninh Sở	13	Thường Tín	X		Giai đoạn 1, diện tích 5 ha đã hoàn thiện hạ tầng, các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định. Đã có quyết định thành lập giai đoạn 2 với diện tích 7,7ha, hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng
59	CCN Thắng Lợi	8,9	Thường Tín		X	
60	CCN Văn Tự	7,8	Thường Tín		X	
61	CCN Hòa Bình	7	Thường Tín			
62	CCN Hiền Giang	10	Thường Tín			
63	CCN Dũng Tiến	5	Thường Tín			
64	CCN Lê Lợi	6	Thường Tín			

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
65	CCN Chương Dương	5	Thường Tín			
66	CCN Nghiêm Xuyên	5	Thường Tín			
67	CCN Văn Bình	5	Thường Tín			
68	CCN Văn Tào	5	Thường Tín			
69	CCN Hồng Vân	10	Thường Tín			
70	CCN Nguyễn Trãi	5	Thường Tín			
71	CCN Làng nghề Bát Tràng	16,9	Gia Lâm	X		Đã lấp đầy 100%
72	CCN Kiều Ky	15,7	Gia Lâm	X		
73	CCN Đình Xuyên	7,8	Gia Lâm		X	
74	CCN làng nghề Phú Túc	5,9	Phú Xuyên		X	
75	CCN làng nghề Đại Thắng	7,4	Phú Xuyên		X	
76	CCN làng nghề Phú Yên	10	Phú Xuyên		X	
77	CCN làng nghề Vân Từ	7	Phú Xuyên		X	
78	CCN Hồng Minh	5	Phú Xuyên			
79	CCN Sơn Hà	5	Phú Xuyên			
80	CCN Phượng Dực	7	Phú Xuyên			
81	CCN Bạch Hạ	5	Phú Xuyên			
82	CCN Tri Trung	5	Phú Xuyên			
83	CCN Hoàng Long	25	Phú Xuyên			
84	CCN Văn Hoàng	12	Phú Xuyên			
85	CCN làng nghề Tân Hòa	12,9	Quốc Oai		X	
86	CCN Ngọc Mỹ - Thạch Thán	21	Quốc Oai		X	

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
87	CCN làng nghề Nghĩa Hương	12	Quốc Oai		X	
88	CCN Tuyết Nghĩa	20	Quốc Oai			
89	CCN Liệp Tuyết	35	Quốc Oai			
90	CCN Đình Tổ	15	Quốc Oai			
91	CCN Cộng Hòa	15	Quốc Oai			
92	CCN Cán Hữu	20	Quốc Oai			
93	CCN Đông Yên	35	Quốc Oai			
94	CCN Xuân Thu	20	Sóc Sơn		X	
95	CCN Xuân Giang	20	Sóc Sơn			
96	CCN Thụy Hương	12	Chương Mỹ			
97	CCN Lam Điền	6	Chương Mỹ			
98	CCN Hòa Chính	8	Chương Mỹ			
99	CCN Phùng Xá	10	Mỹ Đức			
100	CCN Đa Sỹ	13	Hà Đông		X	
V	TRUNG TÂM LOGISTICS					
1	Cảng cạn IDC Cổ Bi	19,2	Gia Lâm		X	Dự kiến sẽ mở rộng trong giai đoạn 2 thành 34,5ha
2	Cảng cạn IDC Đức Thượng	23,3	Hoài Đức		X	
3	Trung tâm khai thác, vận chuyển khu vực phía Bắc Mê Linh	3,6	Mê Linh		X	
VI	KHU CNTT TẬP TRUNG					
1	Khu CNTT tập trung Cầu Giấy	8,3	Cầu Giấy	X		Chủ đầu tư là Ban quản lý Khu CNTT tập trung Cầu Giấy - Hà Nội.

TT	Danh mục	Quy mô (ha)	Địa điểm	Hiện trạng		Ghi chú
				Đang hoạt động	Đang triển khai xây dựng	
2	Khu công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	43,5			X	Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Hanel. Đã cơ bản hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cơ bản và đang thu hút đầu tư.
3	Khu Công viên công nghệ thông tin	36	Long Biên	X		Nằm liền kề KCN Sài Đồng B, theo Quy hoạch ban đầu KCN Sài Đồng B (97ha), đã thực hiện 47ha, sau giao diện tích còn lại cho Tập đoàn Him Lam làm CĐT Khu công viên công nghệ thông tin
4	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công viên phần mềm tại xã Nguyên Khê, xã Tiên Dương và thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	78,1	Đông Anh			Hiện tại, các Sở, ngành liên quan tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương lựa chọn nhà đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án.

**DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỐ 02
CỦA THÀNH ỦY KHÓA XVII**

(Kèm theo Chương trình số 02-CTr/TU của Thành ủy khóa XVII)

TT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	KẾT QUẢ
I	Sở Kế hoạch và Đầu tư:		
1	Kế hoạch phát triển KT-XH Thành phố 5 năm giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Kế hoạch
2	Xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Năm 2021	Nhiệm vụ Quy hoạch
3	Chủ trì triển khai các giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Năm 2021	Báo cáo
4	Xây dựng Quyết định thay thế các quyết định của UBND Thành phố về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội của Thành phố Hà Nội	Năm 2021	Quyết định
5	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài.	Năm 2021	Kế hoạch
6	Rà soát cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể, hợp tác xã; Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Kế hoạch
7	Kế hoạch tổng thể rà soát toàn bộ các dự án đầu tư ngoài ngân sách, dự án có vốn đầu tư nước ngoài, biên bản ghi nhớ đã ký tại các hội nghị xúc tiến đầu tư; tổ chức đánh giá, phân loại, đôn đốc, hỗ trợ và xử lý theo quy định pháp luật để đẩy nhanh tiến độ đầu tư và khai thác tối đa nguồn lực phát triển KT-XH của Thành phố.	Năm 2021	Kế hoạch
8	Phát hành sách trắng doanh nghiệp thành phố Hà Nội	Năm 2021	Sách trắng

TT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	KẾT QUẢ
II	Văn phòng UBND Thành phố:		
9	Ban hành Kế hoạch của UBND Thành phố triển khai thực hiện Chương trình	Năm 2021	Kế hoạch
III	Sở Tài chính:		
10	Xây dựng Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; quy định định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025 của thành phố Hà Nội.	Năm 2021	Nghị quyết của HĐND Thành phố
11	Kế hoạch tổng thể công tác sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Kế hoạch
IV	Cục Thuế thành phố Hà Nội:		
12	Đề án nghiên cứu, triển khai các giải pháp nhằm khai thác tăng thu, nuôi dưỡng nguồn thu - cơ cấu nguồn thu ngân sách của Thành phố theo hướng bền vững.	Năm 2021	Đề án
V	Sở Ngoại vụ:		
13	Kế hoạch hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội nhằm đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giao lưu văn hóa trên địa bàn Thành phố để tăng cường kết nối, đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực.	Năm 2021	Kế hoạch
VI	Sở Du lịch:	Năm 2021	
14	Đề án cơ cấu lại ngành du lịch thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025		Đề án
15	Kế hoạch triển khai các giải pháp kích cầu du lịch; nâng cao chất lượng một số khu, điểm du lịch trọng điểm; phát triển chuỗi các sản phẩm dịch vụ du lịch (sản phẩm ẩm thực, quà tặng, MICE, sản phẩm du lịch nông thôn...); hỗ trợ đầu tư hạ tầng du lịch trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Kế hoạch

TT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	KẾT QUẢ
16	Đề án tuyên truyền quảng bá điểm đến du lịch Hà Nội trên hệ thống thông tin, truyền hình của Trung ương và Thành phố; chuyển đổi số gắn với phát triển hệ thống du lịch thông minh thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Đề án
VII	Sở Công Thương:		
17	Kế hoạch phát triển thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố; Kế hoạch tổ chức hoạt động liên kết vùng và hỗ trợ quảng bá, kết nối cung cầu hàng hóa giữa Thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố	Năm 2021	Kế hoạch
18	Kế hoạch phát triển điện lực, phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn Thành phố trên địa bàn Thành phố	Năm 2021	Kế hoạch
19	Kế hoạch thực hiện đề án phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	Kế hoạch
VIII	Sở Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn:		
20	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Năm 2021	Kế hoạch
21	Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Năm 2021	Chương trình
22	Kế hoạch củng cố, kiện toàn Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Năm 2021	Kế hoạch
IX	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:		
23	Đề án xây dựng danh mục nghề, định mức kinh tế kỹ thuật và tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp, trong đó chú trọng đào tạo cho đối tượng là lao động nông thôn, lao động mất đất, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển KT-XH trên địa bàn Thành phố	Năm 2021	Đề án

TT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	KẾT QUẢ
X	Sở Thông tin và Truyền Thông:		
24	Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Năm 2021	Chương trình
25	Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn TP Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Kế hoạch
XI	Sở Tài Nguyên và Môi trường:		
26	Chủ trì thực hiện lập phương án sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất thời kỳ đầu (giai đoạn 2020 - 2025); Kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất hằng năm và 5 năm 2021-2025.	Năm 2021	Nhiệm vụ Quy hoạch
27	Đề án tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các khu, cụm công nghiệp	Năm 2021	Đề án
XII	Sở Khoa học và Công nghệ:		
28	Thiết lập Sàn giao dịch công nghệ thành phố Hà Nội.	Năm 2021	Sàn giao dịch
29	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030.	Năm 2021	Kế hoạch
30	Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Thành phố Hà Nội đến năm 2030.	Năm 2021	Báo cáo Chiến lược
XIII	Viện nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội:		
31	Đề tài: Định hướng và giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế Thủ đô theo hướng năng suất, hiệu quả và bền vững đến năm 2030	Năm 2021	Đề tài
32	Đề tài: Đổi mới, chuyển dịch cơ cấu, nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp thành phố Hà Nội theo hướng nâng cao giá trị và mức độ thông minh.	Năm 2021	Đề tài

TT	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	KẾT QUẢ
XIV	Cục Thống kê thành phố Hà Nội:		
33	Báo cáo kết quả kiểm kê, đánh giá thực chất tình hình các nguồn lực của nền kinh tế giai đoạn 2016-2020	Năm 2021	Báo cáo
34	Tính toán, cung cấp số liệu phục vụ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hàng năm, sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết Chương trình	Năm 2021	Bộ chỉ số
XV	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội:		
35	Kế hoạch tập trung vốn cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng; pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	Năm 2021	Kế hoạch
XVI	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội:		
36	Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển thành phố giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Danh mục
XVII	Trung tâm XT Đầu tư, Thương mại, Du lịch TP Hà Nội:		
37	Đề án Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Năm 2021	Đề án
38	Đề án xây dựng, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, ngành hàng, thị trường... phục vụ công tác xúc tiến của Thành phố	Năm 2021	Bộ cơ sở dữ liệu
XVIII	Sở Nội vụ:		
39	Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố	Năm 2021	Đề án
XIX	Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội:		
40	Xây dựng đề án phát triển 02-05 Khu công nghiệp mới; hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao sinh học Hà Nội để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư	Năm 2021	Đề án

